HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 91/NQ-HĐND	*Tam Kỳ, ngày 14 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển kinh tế nông nghiệp thành phố Tam Kỳ giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ KHÓA XII, KỲ HỌP ĐỘT XUẤT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 2240/QĐ-UBND, ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND, ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ về việc đề nghị thông qua các Đề án và Nghị quyết trình tại kỳ họp đột xuất, Hội đồng nhân dân thành phố Tam Kỳ XII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Sau khi nghe UBND thành phố báo cáo Đề án phát triển kinh tế nông nghiệp thành phố Tam Kỳ giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến tham gia thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Đề án phát triển kinh tế nông nghiệp thành phố Tam Kỳ giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 do UBND thành phố trình tại kỳ họp; Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp trong thời gian qua

Giai đoạn 2016 - 2020, UBND thành phố đã bám sát Nghị quyết của Thành ủy, HĐND thành phố để chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện đạt được những kết quả quan trọng: tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 5,4%; giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích (năm 2020) đạt 125 triệu đồng/ha/năm. Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm đạt khoảng 3.676,2 ha/năm. Các mô hình phát triển kinh tế vườn tại Tam Ngọc, An Phú,… đang thực hiện và nhân rộng. Một số mô hình chăn nuôi nông hộ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đến cuối năm 2018, có 04/04 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2020, thành phố Tam Kỳ được Chính phủ công nhận hoàn thành thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Trên địa bàn thành phố có 25 hợp tác xã và 15 tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp hoạt động có hiệu quả. Nhiều mô

hình sản xuất công nghệ cao được hình thành như: sản xuất rau thủy canh trong nhà lưới, nuôi cấy thành công nấm đông trùng hạ thảo, ứng dụng công nghệ trong sản xuất nấm linh chi, nấm bào ngư, bên cạnh đó nhiều sản phẩm chế biến sâu sau thu hoạch bước đầu được hình thành như chế biến trà sen, trà nhàu…

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế nông nghiệp của thành phố vẫn còn những bất cập, hạn chế, đó là: sản xuất mang tính nhỏ lẻ, phân tán; điều kiện đất đai, khí hậu, thời tiết có nhiều yếu tố bất lợi đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhất là nắng nóng, hạn hán vào mùa hè, lụt bão, ngập úng vào mùa mưa. Đối tượng lao động nông nghiệp đa số lớn tuổi, khó tiếp cận tiến bộ kỹ thuật. Nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng phát triển nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu và nguồn kinh phí sự nghiệp nông nghiệp chưa phát huy tốt hiệu quả. Vai trò của HTX, doanh nghiệp trong hỗ trợ phát triển kinh tế hộ chưa hiệu quả; chưa hình thành được nhiều chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế nông nghiệp thành phố gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, hướng đến phát triển nông nghiệp sạch sinh thái thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; nâng cao giá trị gia tăng, ưu tiên những sản phẩm chủ lực có lợi thế của địa phương và nhu cầu sản phẩm của xã hội, lấy thị trường làm mục tiêu; đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch nông nghiệp, các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và thực hiện tốt việc chuyển đổi cây trồng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn; thúc đẩy tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp, khởi nghiệp trong nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản bình quân hằng năm đạt từ 4%/năm trở lên. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên đơn vị diện tích đạt trên 137 triệu đồng/ha/năm.

- Hình thành và phát triển mới ít nhất từ 4 chuỗi giá trị nông sản trở lên; trong đó mỗi xã nông thôn mới có ít nhất 01 chuỗi. Tiếp tục phát triển các sản phẩm OCOP đã được công nhận, trong đó nâng hạng 10 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao; phát triển mới ít nhất 10 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên và hướng đến xuất khẩu trên 02 sản phẩm.

- Phát triển kinh tế vườn gắn với du lịch sinh thái làng quê, sản xuất hoa, cây cảnh trở thành sản phẩm ưu tiên của thành phố, đặc biệt ở các địa phương: Trường Xuân, Tam Ngọc, Hòa Hương. Phát triển ít nhất 01 mô hình du lịch nông nghiệp cộng đồng ở nông thôn.

- Đầu tư phát triển các Làng nghề đã được công nhận, hoàn chỉnh hồ sơ công nhận Làng nghề Hến Tân Phú, Nghề đóng tàu Tam Phú và bánh tráng Tam Ngọc. Có

ít nhất 03 sản phẩm từ hoạt động ngành nghề nông thôn trong làng nghề tham gia Chương trình OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

- Thu hút đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật cho ít nhất 04 dự án để thúc đẩy phát triển chế biến nông sản theo hướng xây dựng các cơ sở chế biến vừa và nhỏ, gắn với các vùng sản xuất tập trung.

2.2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên đơn vị diện tích đạt trên 167 triệu đồng/ha/năm.

- Tập trung phát triển các loại cây trồng có lợi thế của địa phương trở thành cây trồng chủ lực, tạo thành chuỗi giá trị sản phẩm như: cây ăn quả, cây hoa, cây rau,…

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao; chú trọng các giống mới, các khâu công nghệ sau thu hoạch và chế biến, đặc biệt chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Hiện đại hóa ngành nông nghiệp; hỗ trợ thu hút đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã vào sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng Làng nghề đồng bộ, phát triển mang tính bền vững nhằm bảo tồn nền văn hóa địa phương, gắn với phát triển du lịch.

- Phát triển ngành nông nghiệp theo yếu tố bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của từng địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

3. Nội dung và cơ chế hỗ trợ thực hiện

3.1. Lĩnh vực trồng trọt:

3.1.1. Sản xuất lúa giống, chất lượng cao tập trung và lúa hữu cơ:

- Đến năm 2025, giữ ổn định diện tích đất canh tác lúa là 900ha, trong đó lúa chất lượng cao, lúa giống, lúa hữu cơ khoảng 800ha. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất lúa đã đầu tư; mở rộng các vùng sản xuất mới, xây dựng 01 đến 02 mô hình sản xuất lúa giống quy mô từ 40ha trở lên (Tam Thăng, Tam Ngọc, Tam Phú) và thí điểm sản xuất lúa hữu cơ tại một số địa phương khác phù hợp.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ cơ giới hóa	- Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy làm đất, máy nông cụ, tối đa không quá 50 triệu đồng/máy và 50% kinh phí mua máy gặt đập liên hợp, tối đa không quá 70 triệu đồng/máy (25 máy làm đất, 10 máy gặt)
2	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu, trang thiết bị	- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống và vật tư thiết yếu 02 vụ đầu tiên, cho vùng có phương án được duyệt.

3.1.2. Vùng sản xuất cây rau, củ, quả tập trung

- Đến năm 2025, diện tích các vùng sản xuất cây thực phẩm và rau tập trung khoảng 25ha, tập trung tại Trường Xuân, Tam Ngọc, An Phú và Tam Phú; 100% các vùng sản xuất rau tập trung được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, rau hữu cơ, VietGap.

- Xây dựng được ít nhất 01 vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP hoặc ISO) với quy mô từ 1-2ha, tại Tam Ngọc.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu, trang thiết bị	- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống để thực hiện mô hình (không quá 30 triệu đồng/hộ). Hỗ trợ 50% kinh phí vật tư thiết yếu.
2	Hỗ trợ đầu tư sở vật chất, hạ tầng	- Xây dựng bể nước, giếng khoan, nhà lưới, nhà màng, màng phủ ni lông, hệ thống tưới, hệ thống điện.... thành phố hỗ trợ 50% giá trị công trình tối đa không quá 300 triệu đồng/ha. Ngoài ra, nếu hộ có thuê đất để trồng rau ổn định trong vòng 1 năm thành phố sẽ hỗ trợ với mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha/năm (hỗ trợ tối đa 1 lần).
3	Hỗ trợ cơ giới hóa	Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc phục vụ công tác sản xuất, bảo quản, sơ chế sản phẩm, mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/máy (tối đa 10 máy).
4	Hỗ trợ phát triển rau an toàn, VietGap, rau hữu cơ	Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, mẫu nước và cấp giấy chứng nhận rau an toàn, rau VietGap, rau hữu cơ (tối đa không quá 50tr.đồng/vùng sản xuất/2ha)

3.1.3. Vùng sản xuất hoa, cây cảnh

- Tiếp tục phát triển diện tích đã có 10,5ha, mở rộng diện tích trồng mới, nâng tổng diện tích hoa cây cảnh đến năm 2025 khoảng 15-20 ha, khuyến khích các hộ dân có điều kiện trồng hoa tăng thu nhập, tập trung phát triển ở phường Trường Xuân, xã Tam Ngọc, Tam Thăng. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hoa trồng chậu, chú trọng phát triển các loại hoa giống mới, hoa cao cấp, mở rộng diện tích trồng cây mai xanh tại Tam Ngọc, hoa sen tại khu vực sông Đầm gắn phát triển du lịch.

- Tạo điều kiện cho các hộ trồng hoa nhưng thiếu đất sản xuất có thể thuê đất dự án, đất chưa sử dụng để trồng hoa ngắn ngày phục vụ kinh doanh, du lịch hoặc chụp hình check-in,...

- Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ giống, vật tư, thiết yếu, trang thiết bị	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống mới, 50% kinh phí mua vật tư thiết yếu để thực hiện mô hình nhưng không quá 50 triệu đồng/hộ và không quá 400 triệu/ha; 50% kinh phí mua máy làm đất tối đa không quá 30 triệu đồng/máy

2	Hỗ trợ tập huấn, tham quan học tập mô hình	Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm cho hộ sản xuất (không quá 50tr/năm).
3	Hỗ trợ địa điểm bán hoa, liên kết tiêu thụ sản phẩm	Các hộ trồng hoa có liên kết với siêu thị, cửa hàng bán hoa ổn định trong vòng 1 năm, được hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ, tham gia chợ hoa theo tuyến đường thành phố quy hoạch, được hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/năm/cửa hàng (hỗ trợ 1 lần).
4	Hỗ trợ thuê đất	Hộ có nhu cầu trồng hoa nhưng thiếu đất sản xuất phải thuê đất ổn định trong vòng 1 năm thành phố sẽ hỗ trợ với mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha/năm (hỗ trợ tối đa 2 năm).
5	Hỗ trợ trồng Cây Mai xanh (giống địa phương)	Đối với diện tích trồng mới ổn định trong vòng 1 năm, quy mô từ 200m^2 trở lên, thành phố hỗ trợ 100% kinh phí mua cây giống, vật tư thiết yếu, với mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/ha

3.1.4. Chuyển đổi cây trồng

- Tập trung chuyển đổi diện tích trồng cây kém hiệu quả sang cây trồng phù hợp và một phần diện tích ngập úng quanh sông Đầm sang trồng sen kết hợp phát triển du lịch.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu, trang thiết bị	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống và 50% kinh phí mua vật tư thiết yếu trong 03 vụ đầu tiên, nhưng không quá 100 triệu đồng/ha.
2	Hỗ trợ cơ giới hóa cải tạo đất, thuê đất.	Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy làm đất, máy thu hoạch, máy tách quả... nhưng không quá 30 triệu đồng/máy làm đất và 20 triệu đồng/máy thu hoạch, máy tách quả.... Ngoài ra, hỗ trợ kinh phí cải tạo đất với mức tối đa 20 triệu đồng/ha; các hộ sản xuất nếu có thuê đất để chuyển đổi cây trồng ổn định trong vòng 1 năm thành phố sẽ hỗ trợ với mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha/năm (hỗ trợ tối đa 1 lần).
3	Hỗ trợ hệ thống điện, kênh tưới, kênh tiêu nước	Ngoài hỗ trợ của tỉnh theo Quyết định số 559/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam; thành phố hỗ trợ hệ thống điện, kênh tưới, kênh tiêu và hệ thống bơm năng lượng mặt trời gắn tưới tiết kiệm nước đảm bảo phục vụ sản xuất (KP phê duyệt theo từng phương án phù hợp).
4	Hỗ trợ trồng Cây sen	Đối với diện tích trồng mới thành phố hỗ trợ bằng mức hỗ trợ mô hình khuyến nông; ngoài ra những hộ, nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã trồng sen kết hợp với du lịch có quy mô từ 1ha trở lên có phương án được duyệt thành phố sẽ hỗ trợ thêm các nội dung hợp lý theo từng phương án (chòi ngắm sen, cải tạo đất, ghe, thuyền....) nhưng không quá 50 triệu đồng/phương án/ha;

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi phù hợp với đặc điểm và lợi thế của từng vùng sinh thái trên địa bàn thành phố nhằm bảo đảm phát triển bền vững, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định về vùng nuôi, mật độ nuôi.

- Phát triển con vật nuôi mới có hiệu quả kinh tế, đảm bảo vệ sinh môi trường an toàn dịch bệnh.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ giống vật nuôi.	Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thức ăn để thực hiện mô hình điểm, mô hình mới gắn với chuỗi giá trị (không quá 50 triệu đồng/hộ).
2	Hỗ trợ hệ thống xử lý môi trường	Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng hầm biogas hoặc đệm lót sinh học đối với các trang trại, gia trại chăn nuôi, nhưng tối đa không quá 3 triệu đồng/gia trại và không quá 10 triệu đồng/01 trang trại; Hỗ trợ 50% chi phí làm đệm lót sinh học cho các hộ để xử lý chất thải chăn nuôi với mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/100m^2 và 05 triệu đồng/chuồng/hộ.
3	Hỗ trợ điểm giết mổ tập trung	Hỗ trợ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo Quy hoạch và theo từng phương án được duyệt.

3.3. Chuỗi giá trị nông lâm, thủy sản

- Đẩy mạnh xây dựng, phát triển các chuỗi giá trị nông lâm, thủy sản nhằm góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, kiểm soát chất lượng nông sản; đặc biệt là cung ứng thực phẩm an toàn cho người dân trên địa bàn thành phố Tam Kỳ. Trong đó, tập trung 07 chuỗi giá trị nông sản, gồm: phát triển nâng cao 2 chuỗi có sẵn là chuỗi thịt gà và chuỗi nước mắm; hình thành mới 5 chuỗi mới là chuỗi nấm ăn an toàn, chuỗi rau an toàn, sen sông Đầm, hến Tam Phú, cây nhàu An Phú.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ nguồn nguyên liệu	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống (đối với chuỗi mới) nhưng không quá 50 triệu đồng/mô hình
2	Hỗ trợ kinh phí cấp giấy an toàn thực phẩm	Hỗ trợ 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận ATTP, VietGap, Rau hữu cơ, kinh phí xây dựng nhãn hiệu, mã truy xuất nguồn gốc. (tối đa không quá 50tr.đồng/vùng sản xuất/2ha).

3	Hỗ trợ mặt bằng và các nội dung khác	Hỗ trợ mặt bằng kinh doanh: Hỗ trợ 50% kinh phí thuê mặt bằng kinh doanh trong 2 năm đầu với mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/năm. Hỗ trợ 50% kinh phí mua phương tiện vận chuyển, thiết bị bảo quản thực phẩm, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/chuỗi. Ngoài ra, thực hiện theo Quyết định số 291/QĐ-UBND để triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh về liên kết sản xuất

3.4. Phát triển Làng nghề/Nghề truyền thống

- Bảo tồn, phát triển 2 làng nghề và 2 nghề đã được được công nhận: chiếu cói Thạch Tân - Tam Thăng; Bún Phương Hòa - Hoà Thuận; Nghề Nước mắm Tam Ấp - Tam Thanh và Rèn Hồng Lư - Hòa Hương. Tiếp tục khôi phục để được công nhận 01 làng truyền thống Hến Tam Phú, 02 Nghề đóng sửa tàu thuyền Tam Phú và bánh tráng Tam Ngọc

- Có ít nhất 03 sản phẩm từ hoạt động ngành nghề nông thôn của làng Nghề/Nghề truyền thống tham gia Chương trình OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất:

TT	Nội dung hỗ trợ	Hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ tập huấn, học tập mô hình	Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, đào tạo nghề, hỗ trợ tham quan học tập mô hình không quá 20 triệu đồng/làng nghề/năm.
2	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá tiêu thụ sản phẩm	Hỗ trợ theo chương trình OCOP của tỉnh, đồng thời sản phẩm của làng nghề có tham gia hội chợ do tỉnh tổ chức sẽ được hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/gian hàng/năm.
3	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc trang thiết bị	Hỗ trợ từ nguồn khuyến công của tỉnh, ngoài ra thành phố căn cứ nhu cầu thực tế của từng Làng nghề để hỗ trợ đầu tư xây dựng gắn chỉnh trang nâng cấp hạ tầng và giải quyết vệ sinh môi trường.

3.5. Kinh tế vườn (vườn hoa, ruộng hoa, cây ăn trái) gắn với du lịch sinh thái hình thành mô hình du lịch nông nghiệp

- Chú trọng cải tạo vườn tạp bố trí những cây trồng phù hợp đem lại hiệu quả kinh tế cao và kết nối phát triển du lịch.

- Tận dụng lợi thế sẵn có của thành phố là biển, sông, các di tích lịch sử,… xây dựng được 01 mô hình nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất:

TT	Nội dung hỗ trợ	Hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu, trang thiết bị	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, 50% kinh phí mua vật tư thiết yếu 02 vụ đầu tiên nhưng không quá 50 triệu đồng/ha.
2	Hỗ trợ cơ giới hóa cải tạo đất và một số hạ tầng liên quan….	Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc thiết bị (máy làm đất, thu hoạch, sơ chế, chế biến), điện, hệ thống tưới, đào ao nuôi cá, cải tạo mặt bằng, chặt phá cây tạp, cải tạo hàng rào cây xanh, ngõ hoa, cổng hoa…. Với mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/ha. Chi tiết theo phương án được duyệt.
3	Hỗ trợ học tập mô hình, đào tạo nghề	Hỗ trợ người dân tham quan học tập mô hình không quá 20 triệu đồng/chuyến phụ thuộc vào nhu cầu thực tế, Hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao kỹ năng phục vụ du lịch, đào tào nghề chăm sóc cắt tỉa cây cảnh (KP đào tạo nghề từ nguồn đào tạo nghề Nông nghiệp của tỉnh)….
4	Hỗ trợ mô hình trồng hoa check in (vườn hoa, ruộng hoa), nhà vườn sinh thái để đón khách thăm quan thành phố hỗ trợ 10 triệu đồng/1.000m^2/mô hình (hỗ trợ sau đầu tư);	

3.6. Hỗ trợ phát triển kinh tế vườn theo hướng gắn với du lịch sinh thái tại Tam Ngọc

3.6.1. Nhiệm vụ

Đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn gắn với dịch vụ, du lịch và xây dựng các khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, từng bước tạo thành các nhà vườn có quy mô và xây dựng từng bước chuỗi du lịch để đón khách.

3.6.2. Giải pháp

- Quy hoạch, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hạ tầng, tường rào cổng ngõ, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm tạo nên diện mạo mới cho các vườn; trong đó tập trung vận động nhân dân tham gia chỉnh trang, cải tạo vườn tạp, tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nghề nâng cao kỹ năng thực hành ươm trồng, chăm sóc và cắt tỉa cây cảnh, tiếp đón khách du lịch, tạo nên chuỗi sản phẩm với thế mạnh phát triển kinh tế vườn gắn với du lịch tại địa phương, giúp tăng thu nhập cho người dân.

3.6.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất

TT	Nội dung hỗ trợ	Hỗ trợ của thành phố
1	Hỗ trợ quy hoạch	Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch cụ thể cho từng vườn (kể cả đường làng ngõ xóm và tường rào cổng ngõ)
2	Hỗ trợ tập huấn, đào tạo nghề và thăm quan học tập mô hình	Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề tạo dáng cắt tỉa và chăm sóc cây cảnh; 100% tập huấn và thăm quan học tập mô hình
3	Hỗ trợ cải tạo hàng rào xanh	Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo hàng rào xanh trên tuyến đường gắn với đường hoa, tối đa 200 tr đồng/km (5km)
4	Hỗ trợ máy làm đất, hệ thống tưới thông minh	Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy làm đất tối đa không quá 15 triệu đồng/máy; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các biện pháp tưới thông minh, tưới nhỏ giọt nhưng không quá 20tr đồng/vườn/1000m2
5	Hỗ trợ thực hiện vườn ươm giống mai xanh địa phương	Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, với mức hỗ trợ tối đa không quá 100tr đồng/vườn, không quá 3 vườn (Diện tích từ 200m^2 trở lên)

3.7. Một số cơ chế hỗ trợ khác

- Địa phương có diện tích phù hợp để trồng cây dược liệu với quy mô từ 1.000m^2 trở lên, ngoài cơ chế hỗ trợ của tỉnh, thành phố sẽ hỗ trợ bằng mức thực hiện mô hình khuyến nông tại Quyết định số 2185/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Thành phố khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô từ 500m^2 trở lên sẽ được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, trang thiết bị, với mức tối đa không quá 100 triệu đồng/1.000m^2 và tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình. Ngoài ra, các dự án ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất được hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2019/NĐ-CP ngày 12/7/2019 về cơ chế chính sách phát triển khoa học công nghệ tỉnh Quảng Nam.

- Những sản phẩm nông sản mang tính đặc trưng của địa phương được thành phố hỗ trợ quảng bá tiêu thụ sản phẩm và đăng ký sản phẩm OCOP theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; Ngân sách thành phố hỗ trợ liên kết, kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm mỗi năm hỗ trợ 100 triệu đồng.

- Đối với cải tạo đất hoang hóa thành đất trồng lúa và chuyển đổi đất lúa sang cây trồng các thực hiện theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định số

62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; thành phố hỗ trợ kinh phí cải tạo đất với mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/ha và hỗ trợ giống, vật tư phân bón phục vụ chuyển đổi bằng mức hỗ trợ mô hình khuyến nông.

- Các hộ, nhóm hộ, HTX, Tổ hợp tác có phương án sản xuất liên kết bao tiêu sản phẩm theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng mức thực hiện mô hình khuyến nông, tối đa không quá 50 triệu đồng/mô hình.

4. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

4.1. Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phát huy lợi thế cạnh tranh, tăng trưởng nhanh, ổn định. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, chế biến. Đảm bảo cơ cấu nông nghiệp hợp lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

4.2. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển cải tạo, nâng cấp hạ tầng nông nghiệp - nông thôn; trong đó tập trung phát triển hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, bê tông hóa kênh mương thủy lợi. Đẩy mạnh các hình thức liên doanh, liên kết, khuyến khích tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân đầu tư vào nông nghiệp.

4.3. Kịp thời quán triệt, tuyên truyền rộng rãi trong hệ thống chính trị và toàn xã hội về chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp của thành phố để tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của người dân trong việc thực hiện chủ trương này; tuyên truyền về vai trò chủ thể của người dân, cung cấp thông tin, nhu cầu tiêu thụ nông sản cho người dân. Xây dựng chiến lược thương hiệu và quảng bá các mặt hàng nông sản, nâng cao sức cạnh tranh và giá trị thương hiệu cho nông sản.

4.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp. Thúc đẩy liên kết sản xuất, chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng con vật nuôi gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển hàng hóa, đảm bảo tính bền vững; xây dựng và phát triển các chuỗi giá trị nông sản nhằm góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, kiểm soát chất lượng nông sản và đặc biệt là cung ứng thực phẩm an toàn cho người dân trong và ngoài địa bàn thành phố Tam Kỳ.

4.5. Ưu tiên bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp; thúc đẩy hình thành nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn thông qua tạo việc làm, nâng cao thu nhập hộ nông nghiệp xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản qua các hoạt động dịch vụ, phục vụ du lịch.

5. Nguồn vốn thực hiện

Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện đề án giai đoạn 2022 - 2025 khoảng: 70,347 tỷ đồng; trong đó:

+ Kinh phí sự nghiệp kinh tế: 14,387 tỷ đồng *(chia đều cho mỗi năm khoảng 3,59 tỷ/năm)*

+ Kinh tế vườn gắn với du lịch Tam Ngọc: 5,9 tỷ đồng

+ Đầu tư cho làng nghề: 50,06 tỷ đồng *(Đầu tư xây dựng theo kế hoạch cụ thể hằng năm)*

(Kèm theo các Phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND thành phố có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến đóng góp của đại biểu tại kỳ họp để hoàn chỉnh nội dung Đề án; đồng thời xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể gắn với nguồn lực phân kỳ đầu tư để triển khai thực hiện Nghị quyết đạt kết quả cao. Xây dựng kế hoạch, trình tự thủ tục hỗ trợ để ban hành làm cơ sở thực hiện. Tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá Đề án, báo cáo HĐND thành phố.

- HĐND các xã, phường xây dựng Nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế nông nghiệp hoặc đưa vào Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương để chỉ đạo, thực hiện đạt hiệu quả.

- Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

- Đề nghị UBMTTQVN thành phố và các hội, đoàn thể thực hiện tốt công tác phối hợp, vận động hội viên tham gia thực hiện thành công Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy phải điều chỉnh cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật và tình hình thực tế, UBND thành phố tổng hợp báo cáo đề xuất với Thường trực HĐND thành phố và báo cáo HĐND thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Tam Kỳ khoá XII, kỳ họp đột xuất thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND tỉnh (B/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh khu vực Tam Kỳ;
- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TTTV, HĐND, UBND, UBMT thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND, UBMT các xã, phường;
- CPVP, CV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

PHỤ LỤC ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Tam Kỳ)

TT	Nội dung thực hiện	X. Tam Ngọc	P. Trường Xuân	P. Hòa Thuận	P. Tân Thạnh	P. Hòa Hương	P. An Phú	X. Tam Phú	X. Tam Thăng	X. Tam Thanh
I	**Lĩnh vực trồng trọt**									
1	SX lúa tập trung	Duy trì cánh đồng lớn tại Đồng Sim	Đồng Thắng sản xuất lúa giống (mới)		Duy trì cánh đồng lớn tại Đoan Trai	Đồng Hương Trà Tây, Hương Trà Đông	Cánh đồng lớn tại Ngọc Nam (mới)	Duy trì cánh đồng lúa giống Đồng Hở	Duy trì cánh đồng lúa giống tại Thái Nam	
2	SX rau, quả tập trung	Duy trì và mở rộng cánh đồng rau tại Thọ Tân	Duy trì và mở rộng cánh đồng rau tại Xuân Bắc, SX mới tại Xuân Tây				Duy trì vùng nén An Hà Nam, rau muống Phú Ân			
3	Vùng SX hoa, cây cảnh	Hoa chậu, hoa mai xanh (10ha)	Hoa chậu, hoa lan bán tết hoa trang trí tại KP Xuân Nam, Xuân Bắc	1 Mô hình vườn hoa check in	1 Mô hình vườn hoa check in			1 Mô hình vườn hoa check in	Trồng sen Vĩnh Bình, hoa chậu…	
4	Chuyển đổi cây trồng		4ha tại đồng KP 4	15 ha Tại Đông Yên, Đông Trà		10ha tại Hương Sơn, Hương Trà Tây, Hương Trà Đông	25 ha Phú Ân, Phú Phòng, An Hà Nam	45 ha Quý Ngọc, Phú Quý, Phú Bình, Phú Thạnh	72 ha tại Kim Đới, Kim Thành, Thăng Tân	
5	Chuỗi giá trị	Phát triển mới chuỗi Nấm	Phát triển mới chuỗi rau					Phát triển chuỗi mới	Duy trì nâng cấp chuỗi thịt gà	Duy trì nâng cấp chuỗi nước mắm

6	Kinh tế vườn gắn với du lịch	Duy trì các vườn đã cải tại mở rộng 20 vườn mới				Duy trì và nâng cấp các vườn đã cải tạo, mở rộng thêm 5 vườn	Duy trì các vườn đã cải tại mở rộng 10 vườn mới	Duy trì các vườn đã cải tại mở rộng 10 vườn mới		
7	Nghề, Làng nghề	Công nhận và phát triển Nghề bánh tráng. Đầu tư trang thiết bị và hỗ trợ quảng bá sản phẩm ra thị trường		Bảo tồn và phát triển làng nghề Bún. Đầu tư Đường bê tông dẫn vào Làng nghề kết hợp hệ thống thoát nước		Bảo tồn và phát triển Nghề Rèn Hồng Lư. Đầu tư máy móc nâng cao mẫu mã sản phẩm		Công nhận và phát triển làng nghề truyền thống Hến Tân Phú, Nghề đóng tàu. Đầu tư hệ thống cầu cảng, hệ thống xử lý môi trường, nhà xưởng sản xuất và chế biến	Bảo tồn và phát triển làng nghề chiếu cói phục vụ du lịch. Đầu tư máy móc, hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm quảng bá du lịch	Bảo tồn và phát triển Nghề nước mắm. Đầu tư trang thiết bị, mẫu mã quảng bá sản phẩm kết hợp du lịch biển

Phụ lục

CHI TIẾT CƠ CHẾ HỖ TRỢ LÀNG NGHỀ, NGHỀ 2022-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Tam Kỳ)

TT	NỘI DUNG, MỤC TIÊU 2022-2025	NS XÃ, NHÂN DÂN ĐÓNG GÓP	Kinh phí thực hiện (Đơn vị tính triệu đồng)					Ghi chú
			Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	**Danh mục đầu tư Làng nghề**	**10.968,00**	**36.560,00**	**4.150,00**	**7.030,00**	**13.380,00**	**12.000,00**	
1	**Làng nghề bún Phương Hòa phường Hòa Thuận**	**3.678,00**	**12.260,00**	**3.850,00**	**1.030,00**	**380,00**	**7.000,00**	*Đầu tư mới*
1.1	*Đường bê tông kết hợp hệ thống xử lý nước thải*		3.500,00	3.500,00				
1.2	*Cổng chào vào làng nghề*		30,00		*30,00*			
1.3	*Máy sản xuất bún liên hoàn*		350,00	*350,00*				
1.4	*Đầu tư khu sx bún truyền thống để phục vụ du lịch trãi nghiệm*		1.000,00		*1.000,00*			
1.5	*Quảng bá thương hiệu, nhãn mác*		380,00			*380,00*		
1.6	*Nâng cấp mở rộng giao thông Làng nghề*		7.000,00				*7.000,00*	
2	**Công nhận và phát triển Làng nghề Hến Tân Phú xã Tam Phú**	**5.190,00**	**17.300,00**	**300,00**	**5.000,00**	**8.000,00**	**4.000,00**	*Đầu tư mới*

2.1	*Lập Đề án quy hoạch phát triển làng nghề Hến gắn với phát triển dịch vụ và du lịch vùng sông Tân Phú*		300,00	*300,00*				
2.2	*Đầu tư bến bãi Hến, xử lý nước thải vệ sinh môi trường*		5.000,00		*5.000,00*			
2.3	*Nâng cấp, mở rộng đường trục chính của thôn Tân Phú đoạn từ cầu Tam Phú - QL40B đến Cảng cá*		4.000,00				*4.000,00*	
2.4	*Kè sông Tân Phú khoảng 1km chống sạt lỡ và phục vụ điểm du lịch trãi nghiệm,*		7.000,00			*7.000,00*		
2.5	*Hỗ trợ máy móc sản xuất*		1.000,00			1.000,00		
3	**Tiếp tục Duy trì và phát triển làng nghề Chiếu cói Tam Thăng**	**2.100,00**	**7.000,00**		**1.000,00**	**5.000,00**	**1.000,00**	*Nâng cấp*
3.1	*Hỗ trợ máy dệt và máy in mẫu mã*		*1.000,00*		*1.000,00*			
3.2	*Hỗ trợ quảng bá, máy sấy khô cói*		*1.000,00*				*1.000,00*	
3.3	*Xây dựng nhà sản xuất trình diễn nghề phục vụ du lịch*		*5.000,00*			*5.000,00*		
II	**Xây dựng phát triển Nghề truyền thống**	**6.750,00**	**13.500,00**	**2.000,00**	**3.000,00**	**2.500,00**	**6.000,00**	
1	**Duy trì và phát triển Nghề Rèn Hồng Lư Hòa Hương**	**3.250,00**	**6.500,00**	**500,00**		**1.000,00**	**5.000,00**	*Đầu tư mới*
1.1	*Hỗ trợ máy móc làm đẹp sản phẩm*		*500,00*	*500,00*				
1.2	*Hỗ trợ hệ thống xử lý nước thải*		*1.000,00*			*1.000,00*		
1.3	*Cải thiện hạ tầng giao thông*		*5.000,00*				*5.000,00*	

2	**Tiếp tục Duy trì và phát triển Nghề nước mắm Tam Ấp, Tam Thanh**	**1.000,00**	**2.000,00**		**1.000,00**	**500,00**	**500,00**	*Nâng cấp*
2.1	*Hỗ trợ máy móc, trang thiết bị*		*1.500,00*		*1.000,00*		*500,00*	
2.2	*Hỗ trợ nhãn mác, quảng bá thương hiệu sản phẩm*		*500,00*			*500,00*		
3	**Công nhận và phát triển Nghề bánh tráng Tam Ngọc**	**750,00**	**1.500,00**	**1.000,00**	**500,00**			*Đầu tư mới*
3.1	*Hỗ trợ máy móc, dây chuyền sản xuất*		*1.000,00*	*1.000,00*				
3.2	*Hỗ trợ quảng bá sản phẩm, xử lý môi trường*		*500,00*		*500,00*			
4	**Phát triển nghề đóng tàu Tam Phú**	**1.750,00**	**3.500,00**	**500,00**	**1.500,00**	**1.000,00**	**500,00**	*Đầu tư mới*
4.1	*Hỗ trợ xây dựng Nhà xưởng*		*1.500,00*		*1.500,00*			
4.2	*Hỗ trợ đường bê tông vào xưởng*		*1.000,00*			*1.000,00*		
4.3	*Hỗ trợ máy móc đóng tàu*		*1.000,00*	*500,00*			*500,00*	
Tổng cộng		**17.718,00**	**50.060,00**	**6.150,00**	**10.030,00**	**15.880,00**	**18.000,00**	

Phụ lục

CHI TIẾT CƠ CHẾ HỖ TRỢ CÁC NGUỒN GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Tam Kỳ)

TT	NỘI DUNG, MỤC TIÊU 2022-2025	NS XÃ, NHÂN DÂN	Kinh phí thực hiện					Ghi chú
			Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	**Kinh phí hỗ trợ thực hiện các mô hình nông nghiệp**	**13.397,05**	**13.987,05**	**2.062,00**	**3.896,00**	**4.072,75**	**3.956,30**	
1	**SX lúa tập trung (120 ha)**	**2.007,05**	**2.007,05**	**362,00**	**541,00**	**577,75**	**526,30**	
1.1	*Hỗ trợ giống lúa, vật tư, trang thiết bị*	*207,05*	*207,05*	*62,00*	*41,00*	*77,75*	*26,30*	
1.2	*Hỗ trợ cơ giới hóa*	*1.800,00*	*1.800,00*	*300,00*	*500,00*	*500,00*	*500,00*	*12 máy gặt, 20 máy làm đất*
2	**Sản xuất rau củ, quả tập trung (25 ha)**	**1.390,00**	**1.390,00**	**160,00**	**410,00**	**410,00**	**410,00**	
2.1	*Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu*	*240,00*	*240,00*	*60,00*	*60,00*	*60,00*	*60,00*	
2.2	*Hỗ trợ ccơ sở vật chất hạ tầng*	*700,00*	*700,00*	*100,00*	*200,00*	*200,00*	*200,00*	*2km điện, mương, ống nước*
2.3	*Hỗ trợ cơ giới hóa*	*300,00*	*300,00*		*100,00*	*100,00*	*100,00*	*10 máy làm đất*

2.4	*Hỗ trợ chứng nhận an toàn, vietgap, hữu cơ....*		*150,00*		*50,00*	*50,00*	*50,00*	*7 cái*
3	**Sản xuất hoa cây cảnh (20 ha)**	**1.620,00**	**1.620,00**	**300,00**	**520,00**	**400,00**	**400,00**	
3.1	*Hỗ trợ giống, vật tư*	*420,00*	*420,00*	*100,00*	*120,00*	*100,00*	*100,00*	
3.2	*Hỗ trợ địa điểm bán hoa, liên kết tiêu thụ sản phẩm, thuê đất...*	*400,00*	*400,00*		*200,00*	*100,00*	*100,00*	
3.3	*Hỗ trợ trồng mai xanh*	*800,00*	*800,00*	*200,00*	*200,00*	*200,00*	*200,00*	
4	**Chuyển đổi cây trồng (120 ha)**	**3.300,00**	**3.300,00**	**460,00**	**940,00**	**950,00**	**950,00**	
4.1	*Hỗ trợ giống, vật tư*	*400,00*	*400,00*	*100,00*	*100,00*	*100,00*	*100,00*	
4.2	*Hỗ trợ cơ giới hóa, thuê đất, cải tạo đất*	*800,00*	*800,00*	*60,00*	*240,00*	*250,00*	*250,00*	*25 máy làm đất, 5 máy thu hoạch, tách quả; (thuê đất 2 ha)*
4.3	*Hỗ trợ điện, kênh thoát, dẫn nước*	*1.700,00*	*1.700,00*	*200,00*	*500,00*	*500,00*	*500,00*	
4.4	*Hỗ trợ sen sông Đầm*	*400,00*	*400,00*	*100,00*	*100,00*	*100,00*	*100,00*	
5	**Phát triển thủy sản**	**300,00**	**300,00**	**0,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	
	Nuôi trồng thủy sản+dịch vụ du lịch	*300,00*	*300,00*		*100,00*	*100,00*	*100,00*	*2 mô hình*
6	**Phát triển chăn nuôi**	**830,00**	**830,00**	**120,00**	**170,00**	**270,00**	**270,00**	
6.1	*Hỗ trợ giống, vật tư, thức ăn*	*150,00*	*150,00*		*50,00*	*50,00*	*50,00*	
6.2	*Hỗ trợ xử lý môi trường*	*80,00*	*80,00*	*20,00*	*20,00*	*20,00*	*20,00*	*12 hầm biogas*
6.3	*Quy hoạch và xây dựng lò giết mổ*	*600,00*	*600,00*	*100,00*	*100,00*	*200,00*	*200,00*	*4 lò*

7	**Kinh tế vườn (40 vườn)**	**2.150,00**	**2.920,00**	**370,00**	**800,00**	**900,00**	**850,00**	
7.1	*Hỗ trợ giống, vật tưthiết yếu*	*800,00*	*800,00*	*200,00*	*200,00*	*200,00*	*200,00*	
7.2	*Hỗ trợ cơ giới hóa, cải tạo đất, hạ tầng...*	*950,00*	*950,00*	*100,00*	*250,00*	*300,00*	*300,00*	*25 máy*
7.3	*Hỗ trợ hệ thống tưới (bao gồm tưới tiết kiệm)*	*400,00*	*400,00*	*50,00*	*100,00*	*150,00*	*100,00*	*40 vườn*
7.4	*cải tạo vườn tạp, hàng rào xanh, đào ao,ngõ hoa, cổng hoa*	*600,00*	*600,00*		*200,00*	*200,00*	*200,00*	
7.5	*Hỗ trợ trồng hoa check in*	*170,00*	*170,00*	*20,00*	*50,00*	*50,00*	*50,00*	
8	**Triển khai, tuyên truyền Đề án**		**40,00**	**10,00**	**15,00**	**15,00**		
9	**Hỗ trợ thăm quan mô hình (KTV, Thú y, thủy sản...)**		**180,00**	**30,00**	**50,00**	**50,00**	**50,00**	
10	**Chuỗi giá trị**	**700,00**	**700,00**	**150,00**	**150,00**	**200,00**	**200,00**	**7 chuỗi**
11	**Hỗ trợ khác (theo mục 6)**	**700,00**	**700,00**	**100,00**	**200,00**	**200,00**	**200,00**	
II	**Nguồn khoa học công nghệ để thực hiện Đề tài, dự án trên lĩnh vực Nông nghiệp**	**400,00**	**400,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	
Tổng cộng		**13.797,05**	**14.387,05**	**2.162,00**	**3.996,00**	**4.172,75**	**4.056,30**	

Phụ lục: Đầu tư Kinh tế vườn xã Tam Ngọc

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Tam Kỳ)

TT	Nội dung hỗ trợ	Cơ chế hỗ trợ	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ quy hoạch	Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch cụ thể cho từng vườn (kể cả đường làng ngõ xóm và tường rào cổng ngõ)	1.000	
2	Hỗ trợ tập huấn, đào tạo nghề và thăm quan học tập mô hình	Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề tạo dáng cắt tỉa và chăm sóc cây cảnh; 100% tập huấn và thăm quan học tập mô hình	100	Đào tạo nghề tối đa 2 lớp/2 đợt; tập huấn mỗi năm 2 lớp, thăm quan học tập mô hình kết hợp chung với đoàn của thành phố
3	Hỗ trợ cải tạo hàng rào xanh	Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo hàng rào xanh trên tuyến đường gắn với đường hoa	1.000	dự kiến 5km, tối đa 200 tr đồng/km
4	Hỗ trợ máy làm đất, hệ thống tưới thông minh	Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy làm đất tối đa không quá 15 triệu đồng/máy; hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các biện pháp tưới thông minh, tưới nhỏ giọt nhưng không quá 20tr đồng/vườn/1000m2	3.500	
5	Hỗ trợ thực hiện vườn ươm giống mai xanh địa phương	Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, với mức hỗ trợ tối đa không quá 100tr đồng/ vườn (Diện tích từ 200m2 trở lên)	300	không quá 3 vườn
Tổng cộng			**5.900**	